

SỞ Y TẾ TP.HCM

CÔNG TY TNHH TM & DV PKĐK NAM SÀI GÒN

Địa chỉ: 2533 đường Lê Khả Phiêu, Xã Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

STT	Chuyên khoa	STT - Tên DMKT	Tên dịch vụ	ĐVT	Mức giá (VNĐ)
1	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	2 - Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	50,000
2	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	5 - Làm test phục hồi máu mao mạch	Làm test phục hồi máu mao mạch	Lần	50,000
3	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	6 - Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Lần	120,000
4	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	10 - Chăm sóc catheter tĩnh mạch	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	Lần	50,000
5	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	18 - Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Lần	300,000
6	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	19 - Siêu âm doppler mạch cấp cứu tại giường	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	Lần	300,000
7	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	53 - Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Lần	60,000
8	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	54 - Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Lần	20,000
9	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	57 - Thở oxy qua gọng kính	Thở oxy qua gọng kính	Lần	100,000
10	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	58 - Thở oxy qua mặt nạ không có túi	Thở oxy qua mặt nạ không có túi	Lần	150,000
11	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	64 - Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	Lần	200,000
12	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	65 - Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	250,000

13	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	66 - Đặt nội khí quản	Đặt ống nội khí quản	Lần	600,000
14	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	86 - Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Lần	50,000
15	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	157 - Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần	200,000
16	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	158 - Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Lần	600,000
17	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	160 - Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Lần	120,000
18	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	216 - Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	Lần	300,000
19	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	221 - Thụt tháo	Thụt tháo	Lần	100,000
20	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	251 - Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	Lần	50,000
21	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	252 - Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch (trong trường hợp cấp cứu)	Lần	100,000
22	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	259 - Rửa mắt tẩy độc	Rửa mắt tẩy độc	Lần	50,000
23	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	267 - Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Lần	300,000
24	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	269 - Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	Lần	100,000
25	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	270 - Ga rô hoặc băng ép cầm máu	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	Lần	50,000
26	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	276 - Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	Lần	100,000
27	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	277 - Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	Lần	150,000
28	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	281 - Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần	25,000



29	NỘI KHOA	434 - Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần	50,000
30	NỘI KHOA	487 - Điện tim thường	Điện tim thường	Lần	50,000
31	NỘI KHOA	552 - Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	Lần	50,000
32	NỘI KHOA	716 - Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng	Lần	80,000
33	NGOẠI KHOA	11756 - Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Lần	3,000,000
34	NGOẠI KHOA	11766 - Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	Lần	3,000,000
35	NGOẠI KHOA	11900 - Khâu vết thương thành bụng	Khâu vết thương thành bụng	Lần	3,000,000
36	NGOẠI KHOA	12008 - Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Lần	5,500,000
37	NGOẠI KHOA	12010 - Phẫu thuật vết thương bàn tay	Phẫu thuật vết thương bàn tay	Lần	3,000,000
38	NGOẠI KHOA	12011 - Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Lần	4,000,000
39	NGOẠI KHOA	12061 - Thương tích bàn tay giản đơn	Thương tích bàn tay giản đơn	Lần	500,000
40	NGOẠI KHOA	12063 - Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	Lần	4,000,000
41	NGOẠI KHOA	12155 - Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Lần	2,700,000
42	NGOẠI KHOA	12191 - Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần	900,000
43	NGOẠI KHOA	12199 - Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần	600,000
44	NGOẠI KHOA	12200 - Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần	600,000
45	NGOẠI KHOA	12201 - Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần	700,000
46	NGOẠI KHOA	12202 - Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Lần	700,000
47	NGOẠI KHOA	12205 - Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần	600,000
48	NGOẠI KHOA	12208 - Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần	600,000
49	NGOẠI KHOA	12209 - Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Lần	600,000
50	NGOẠI KHOA	12210 - Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần	500,000
51	NGOẠI KHOA	12213 - Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần	600,000

52	NGOẠI KHOA	12215 - Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Lần	900,000
53	NGOẠI KHOA	12225 - Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần	500,000
54	NGOẠI KHOA	12226 - Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Lần	600,000
55	NGOẠI KHOA	12228 - Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần	600,000
56	NGOẠI KHOA	12229 - Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần	500,000
57	NGOẠI KHOA	12230 - Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần	700,000
58	NGOẠI KHOA	12231 - Nắn, cố định trật khớp hàm	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần	500,000
59	NGOẠI KHOA	12220 - Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần	600,000
60	NGOẠI KHOA	12218 - Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Lần	400,000
61	PHỤ SẢN	13473 - Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	Lần	1,000,000
62	PHỤ SẢN	13476 - Trích áp xe tuyến Bartholin	Chích áp xe tuyến Bartholin	Lần	1,200,000
63	PHỤ SẢN	13492 - Làm thuốc âm đạo	Làm thuốc âm đạo	Lần	50,000
64	MẮT	13805 - Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	Lần	100,000
65	MẮT	13806 - Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Lần	60,000
66	MẮT	13807 - Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	Lần	60,000
67	MẮT	13809 - Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	Lần	100,000
68	MẮT	13811 - Thay băng vô khuẩn	Thay băng vô khuẩn	Lần	100,000
69	MẮT	13812 - Tra thuốc nhỏ mắt	Tra thuốc nhỏ mắt	Lần	100,000
70	MẮT	13813 - Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Lần	200,000
71	MẮT	13814 - Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	Lần	100,000
72	MẮT	13815 - Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Lần	500,000
73	MẮT	13821 - Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	Lần	100,000
74	MẮT	13858 - Đo nhãn áp	Đo nhãn áp	Lần	50,000
75	MẮT	13864 - Thử kính	Thử kính	Lần	60,000
76	MẮT	13884 - Định lượng Albumin	Định lượng Albumin [Máu]	Lần	30,000
77	TAI MŨI HỌNG	13968 - Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	Lần	500,000
78	TAI MŨI HỌNG	13969 - Trích nhọt ống tai ngoài	Chích nhọt ống tai ngoài	Lần	500,000
79	TAI MŨI HỌNG	13971 - Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lần	100,000
80	TAI MŨI HỌNG	14138 - Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Lần	340,000
81	TAI MŨI HỌNG	14214 - Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Lần	50,000

82	TAI MŨI HỌNG	14215 - Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ	Lần	70,000
83	TAI MŨI HỌNG	14058 - Rút meche, rút merocel hốc mũi	Rút meche, rút merocel hốc mũi	Lần	150,000
84	RĂNG HÀM MẶT	14543 - Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Lần	400,000
85	RĂNG HÀM MẶT	14539 - Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Lần	270,000
86	RĂNG HÀM MẶT	14540 - Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement	Lần	220,000
87	RĂNG HÀM MẶT	14518 - Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Lần	250,000
88	RĂNG HÀM MẶT	14526 - Cắt lợi xơ cho răng mọc	Cắt lợi xơ cho răng mọc	Lần	200,000
89	RĂNG HÀM MẶT	14527 - Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	230,000
90	RĂNG HÀM MẶT	14535 - Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	Lần	270,000
91	RĂNG HÀM MẶT	14536 - Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Lần	270,000
92	RĂNG HÀM MẶT	14537 - Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Lần	270,000
93	RĂNG HÀM MẶT	14545 - Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa	Lần	450,000
94	RĂNG HÀM MẶT	14546 - Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Lần	520,000
95	RĂNG HÀM MẶT	14547 - Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Lần	520,000
96	RĂNG HÀM MẶT	14548 - Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Lần	150,000
97	RĂNG HÀM MẶT	14549 - Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	Lần	800,000
98	RĂNG HÀM MẶT	14553 - Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	Lần	100,000
99	RĂNG HÀM MẶT	14613 - Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	Lần	800,000
100	RĂNG HÀM MẶT	14358 - Lấy cao răng	Lấy cao răng	Lần	180,000
101	RĂNG HÀM MẶT	14382 - Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Lần	300,000
102	RĂNG HÀM MẶT	14383 - Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Lần	300,000
103	RĂNG HÀM MẶT	14384 - Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Lần	400,000

104	RĂNG HÀM MẶT	14418 - Chụp kim loại	Chụp kim loại	Lần	500,000
105	RĂNG HÀM MẶT	14419 - Chụp hợp kim thường cần nhựa	Chụp hợp kim thường cần nhựa	Lần	500,000
106	RĂNG HÀM MẶT	14420 - Chụp hợp kim thường cần sứ	Chụp hợp kim thường cần sứ	Lần	600,000
107	RĂNG HÀM MẶT	14421 - Chụp hợp kim Titanium cần sứ	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	Lần	300,000
108	RĂNG HÀM MẶT	14426 - Cầu hợp kim thường	Cầu hợp kim thường	Lần	500,000
109	RĂNG HÀM MẶT	14427 - Cầu kim loại cần nhựa	Cầu kim loại cần nhựa	Lần	500,000
110	RĂNG HÀM MẶT	14428 - Cầu kim loại cần sứ	Cầu kim loại cần sứ	Lần	600,000
111	RĂNG HÀM MẶT	14429 - Cầu hợp kim Titanium cần sứ	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	Lần	200,000
112	RĂNG HÀM MẶT	14430 - Cầu kim loại quý cần sứ	Cầu kim loại quý cần sứ	Lần	2,000,000
113	RĂNG HÀM MẶT	14442 - Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	Lần	500,000
114	RĂNG HÀM MẶT	14443 - Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	Lần	800,000
115	RĂNG HÀM MẶT	14444 - Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	Lần	500,000
116	RĂNG HÀM MẶT	14450 - Tháo cầu răng giả	Tháo cầu răng giả	Lần	100,000
117	RĂNG HÀM MẶT	14451 - Tháo chụp răng giả	Tháo chụp răng giả	Lần	100,000
118	RĂNG HÀM MẶT	14452 - Sửa hàm giả gãy	Sửa hàm giả gãy	Lần	300,000
119	RĂNG HÀM MẶT	14453 - Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	Lần	300,000
120	RĂNG HÀM MẶT	14454 - Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	Lần	100,000
121	RĂNG HÀM MẶT	14455 - Đệm hàm nhựa thường	Đệm hàm nhựa thường	Lần	200,000
122	ĐIỆN QUANG	14985 - Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	Lần	80,000
123	ĐIỆN QUANG	14986 - Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt	Lần	80,000
124	ĐIỆN QUANG	14987 - Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Lần	80,000
125	ĐIỆN QUANG	14988 - Siêu âm hạch vùng cổ	Siêu âm hạch vùng cổ	Lần	80,000
126	ĐIỆN QUANG	14993 - Siêu âm doppler hốc mắt	Siêu âm Doppler hốc mắt	Lần	120,000
127	ĐIỆN QUANG	14994 - Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Lần	120,000
128	ĐIỆN QUANG	14996 - Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Lần	80,000

129	ĐIỆN QUANG	14999 - Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Lần	80,000
130	ĐIỆN QUANG	15000 - Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Lần	80,000
131	ĐIỆN QUANG	15002 - Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ	Lần	80,000
132	ĐIỆN QUANG	15003 - Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Lần	80,000
133	ĐIỆN QUANG	15004 - Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Lần	80,000
134	ĐIỆN QUANG	15005 - Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	Lần	120,000
135	ĐIỆN QUANG	15006 - Siêu âm doppler gan lách	Siêu âm Doppler gan lách	Lần	120,000
136	ĐIỆN QUANG	15007 - Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Lần	300,000
137	ĐIỆN QUANG	15008 - Siêu âm doppler động mạch thận	Siêu âm Doppler động mạch thận	Lần	300,000
138	ĐIỆN QUANG	15009 - Siêu âm doppler tử cung phần phụ	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	Lần	150,000
139	ĐIỆN QUANG	15010 - Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Lần	150,000
140	ĐIỆN QUANG	15013 - Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Lần	300,000
141	ĐIỆN QUANG	15014 - Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Lần	80,000
142	ĐIỆN QUANG	15015 - Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	200,000
143	ĐIỆN QUANG	15016 - Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Lần	150,000
144	ĐIỆN QUANG	15017 - Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	300,000
145	ĐIỆN QUANG	15018 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Lần	80,000
146	ĐIỆN QUANG	15019 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Lần	80,000
147	ĐIỆN QUANG	15020 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Lần	80,000
148	ĐIỆN QUANG	15027 - Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Lần	80,000

149	ĐIỆN QUANG	15028 - Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	Lần	80,000
150	ĐIỆN QUANG	15029 - Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Lần	300,000
151	ĐIỆN QUANG	15032 - doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	Lần	300,000
152	ĐIỆN QUANG	15033 - Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Lần	300,000
153	ĐIỆN QUANG	15036 - Siêu âm doppler tim, van tim	Siêu âm Doppler tim, van tim	Lần	300,000
154	ĐIỆN QUANG	15038 - Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên	Lần	80,000
155	ĐIỆN QUANG	15039 - Siêu âm doppler tuyến vú	Siêu âm Doppler tuyến vú	Lần	100,000
156	ĐIỆN QUANG	15041 - Siêu âm tinh hoàn hai bên	Siêu âm tinh hoàn hai bên	Lần	80,000
157	ĐIỆN QUANG	15042 - Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Lần	150,000
158	ĐIỆN QUANG	15051 - Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng	Chụp Xquang sọ thẳng/ngiêng	Lần	100,000
159	ĐIỆN QUANG	15053 - Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	Lần	100,000
160	ĐIỆN QUANG	15054 - Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	Lần	100,000
161	ĐIỆN QUANG	15055 - Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	Lần	100,000
162	ĐIỆN QUANG	15056 - Chụp X-quang Blondeau	Chụp Xquang Blondeau	Lần	100,000
163	ĐIỆN QUANG	15057 - Chụp X-quang Hirtz	Chụp Xquang Hirtz	Lần	100,000
164	ĐIỆN QUANG	15058 - Chụp X-quang hàm chềch một bên	Chụp Xquang hàm chềch một bên	Lần	100,000
165	ĐIỆN QUANG	15059 - Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Lần	100,000
166	ĐIỆN QUANG	15060 - Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Lần	100,000
167	ĐIỆN QUANG	15061 - Chụp X-quang Chausse III	Chụp Xquang Chausse III	Lần	100,000
168	ĐIỆN QUANG	15062 - Chụp X-quang Schuller	Chụp Xquang Schuller	Lần	100,000
169	ĐIỆN QUANG	15063 - Chụp X-quang Stenvers	Chụp Xquang Stenvers	Lần	100,000
170	ĐIỆN QUANG	15064 - Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	Lần	100,000
171	ĐIỆN QUANG	15066 - Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	Lần	100,000
172	ĐIỆN QUANG	15068 - Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	Lần	100,000

173	ĐIỆN QUANG	15069 - Chụp X-quang móm trâm	Chụp Xquang móm trâm	Lần	100,000
174	ĐIỆN QUANG	15070 - Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	Lần	100,000
175	ĐIỆN QUANG	15071 - Chụp X-quang cột sống cổ chềch hai bên	Chụp Xquang cột sống cổ chềch hai bên	Lần	100,000
176	ĐIỆN QUANG	15072 - Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Lần	200,000
177	ĐIỆN QUANG	15073 - Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	Lần	100,000
178	ĐIỆN QUANG	15074 - Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch	Lần	100,000
179	ĐIỆN QUANG	15075 - Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Lần	100,000
180	ĐIỆN QUANG	15076 - Chụp X-quang cột sống thắt lưng chềch hai bên	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chềch hai bên	Lần	100,000
181	ĐIỆN QUANG	15077 - Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Lần	100,000
182	ĐIỆN QUANG	15078 - Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	Lần	100,000
183	ĐIỆN QUANG	15079 - Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	Lần	100,000
184	ĐIỆN QUANG	15080 - Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Lần	100,000
185	ĐIỆN QUANG	15081 - Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chềch hai bên	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chềch hai bên	Lần	200,000
186	ĐIỆN QUANG	15082 - Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp Xquang khung chậu thẳng	Lần	100,000
187	ĐIỆN QUANG	15083 - Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chềch	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chềch	Lần	100,000
188	ĐIỆN QUANG	15084 - Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp Xquang khớp vai thẳng	Lần	100,000
189	ĐIỆN QUANG	15085 - Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chềch	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chềch	Lần	100,000
190	ĐIỆN QUANG	15086 - Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	Lần	100,000
191	ĐIỆN QUANG	15087 - Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	Lần	100,000
192	ĐIỆN QUANG	15088 - Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chềch	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chềch	Lần	100,000
193	ĐIỆN QUANG	15089 - Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Lần	100,000
194	ĐIỆN QUANG	15090 - Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Lần	100,000

195	ĐIỆN QUANG	15091 - Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Lần	100,000
196	ĐIỆN QUANG	15092 - Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Lần	100,000
197	ĐIỆN QUANG	15093 - Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	Lần	100,000
198	ĐIỆN QUANG	15094 - Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	Lần	100,000
199	ĐIỆN QUANG	15095 - Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	Lần	100,000
200	ĐIỆN QUANG	15096 - Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	Lần	100,000
201	ĐIỆN QUANG	15097 - Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Lần	100,000
202	ĐIỆN QUANG	15098 - Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Lần	100,000
203	ĐIỆN QUANG	15099 - Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Lần	100,000
204	ĐIỆN QUANG	15100 - Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Lần	100,000
205	ĐIỆN QUANG	15101 - Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	Lần	100,000
206	ĐIỆN QUANG	15103 - Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp Xquang ngực thẳng	Lần	100,000
207	ĐIỆN QUANG	15104 - Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	Lần	100,000
208	ĐIỆN QUANG	15105 - Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	Lần	100,000
209	ĐIỆN QUANG	15106 - Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo	Lần	100,000
210	ĐIỆN QUANG	15107 - Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	Lần	100,000
211	ĐIỆN QUANG	15108 - Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	Lần	120,000
212	ĐIỆN QUANG	15109 - Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Lần	100,000
213	ĐIỆN QUANG	15603 - Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	650,000
214	ĐIỆN QUANG	15604 - Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	600,000

215	ĐIỆN QUANG	15606 - Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần	650,000
216	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16367 - Nghiệm pháp phát hiện glomcom	Nghiệm pháp phát hiện glomcom	Lần	140,000
217	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16394 - Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu có định lượng insulin kèm theo	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 2 mẫu có định lượng Insulin kèm theo	Lần	200,000
218	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16395 - Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 5 mẫu có định lượng insulin kèm theo	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 5 mẫu có định lượng Insulin kèm theo	Lần	600,000
219	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16407 - Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (50g glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	Lần	200,000
220	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16408 - Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	Lần	300,000
221	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16409 - Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	Lần	400,000
222	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	16381 - Đo thị lực	Đo thị lực	Lần	100,000
223	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16454 - Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Lần	16,000
224	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16455 - Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Lần	60,000
225	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16555 - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Lần	70,000
226	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16556 - Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	80,000
227	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16559 - Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Lần	50,000
228	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16560 - Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Lần	80,000
229	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16577 - Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Lần	50,000
230	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16584 - Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	60,000
231	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16715 - Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiên đá)	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	60,000
232	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	16727 - Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiên đá)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	Lần	40,000

233	HÓA SINH	17209 - Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	31,000
234	HÓA SINH	17215 - Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	Lần	30,000
235	HÓA SINH	17216 - Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	36,000
236	HÓA SINH	17225 - Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	30,000
237	HÓA SINH	17226 - Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	30,000
238	HÓA SINH	17231 - Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	30,000
239	HÓA SINH	17232 - Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Lần	30,000
240	HÓA SINH	17420 - Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	51,000
241	HÓA SINH	17235 - Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Lần	31,000
242	HÓA SINH	17247 - Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Lần	35,000
243	HÓA SINH	17256 - Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	Lần	80,000
244	HÓA SINH	17257 - Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	30,000
245	HÓA SINH	17281 - Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	30,000
246	HÓA SINH	17283 - Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Lần	36,000
247	HÓA SINH	17289 - Định lượng HbA1c [Máu]	Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	120,000
248	HÓA SINH	17290 - Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	36,000
249	HÓA SINH	17318 - Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	36,000
250	HÓA SINH	17339 - Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	30,000
251	HÓA SINH	17364 - Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	35,000
252	HÓA SINH	17429 - Định lượng Urê [dịch]	Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	30,000
253	HÓA SINH	17379 - Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Lần	60,000
254	HÓA SINH	17385 - Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]	Lần	80,000

255	HÓA SINH	17400 - Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Lần	60,000
256	HÓA SINH	17402 - Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	Lần	60,000
257	HÓA SINH	17412 - Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Lần	35,000
258	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17654 - Helicobacter pylori Ag test nhanh	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Lần	200,000
259	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17655 - Helicobacter pylori Ab test nhanh	Helicobacter pylori Ab test nhanh	Lần	90,000
260	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17679 - Treponema pallidum test nhanh	Treponema pallidum test nhanh	Lần	300,000
261	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17689 - Virus test nhanh	Virus test nhanh	Lần	300,000
262	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17698 - HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh	Lần	80,000
263	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17703 - HBsAb test nhanh	HBsAb test nhanh	Lần	90,000
264	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17708 - HBcAb test nhanh	HBcAb test nhanh	Lần	110,000
265	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17711 - HBeAg test nhanh	HBeAg test nhanh	Lần	85,000
266	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17714 - HBeAb test nhanh	HBeAb test nhanh	Lần	100,000
267	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17725 - HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh	Lần	112,000
268	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17764 - Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Lần	170,000
269	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17765 - Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM-IgG test nhanh	Lần	170,000
270	VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	17768 - Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Lần	170,000
271	NHI KHOA	2827 - Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	Lần	100,000
272	NHI KHOA	4983 - Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần	600,000
273	NHI KHOA	4984 - Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần	600,000
274	NHI KHOA	4985 - Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần	500,000
275	NHI KHOA	4989 - Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	Lần	400,000
276	NHI KHOA	4993 - Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần	500,000
277	NHI KHOA	4995 - Nẹp bột các loại, không nắn	Nẹp bột các loại, không nắn	Lần	700,000
278	NHI KHOA	4979 - Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần	900,000
279	NHI KHOA	4968 - Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Lần	600,000

280	NHI KHOA	4969 - Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần	600,000
281	NHI KHOA	4957 - Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần	600,000
282	NHI KHOA	4958 - Nắn, bó bột gãy xương đòn	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Lần	700,000
283	NHI KHOA	4959 - Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần	600,000
284	NHI KHOA	4383 - Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	Lần	70,000
285	NHI KHOA	1323 - Băng bó vết thương	Băng bó vết thương	Lần	50,000
286	NHI KHOA	1191 - Siêu âm màng phổi	Siêu âm màng phổi	Lần	80,000
287	NHI KHOA	3187 - Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	Lần	120,000
288	NHI KHOA	3193 - Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	Lần	500,000
289	NHI KHOA	3074 - Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	Lần	60,000
290	NHI KHOA	3075 - Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	Lần	60,000
291	NHI KHOA	3077 - Trích áp xe lợi trẻ em	Chích Apxe lợi trẻ em	Lần	500,000
292	NHI KHOA	3069 - Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Lần	270,000
293	NHI KHOA	3047 - Điều trị viêm quanh thân răng cấp	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	Lần	500,000
294	NHI KHOA	3061 - Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	Lần	100,000
295	NHI KHOA	3067 - Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	Lần	300,000
296	NHI KHOA	3063 - Lấy tủy buồng răng sữa	Lấy tủy buồng răng sữa	Lần	500,000
297	NHI KHOA	3308 - Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	Lần	100,000
298	NHI KHOA	3309 - Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	Lần	50,000
299	NHI KHOA	3037 - Nhổ răng vĩnh viễn	Nhổ răng vĩnh viễn	Lần	300,000
300	NHI KHOA	3034 - Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần	150,000
301	NHI KHOA	3001 - Cầu sứ toàn phần	Cầu sứ toàn phần	Lần	2,000,000
302	NHI KHOA	3051 - Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Lần	400,000
303	NHI KHOA	3043 - Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc	Lần	600,000
304	NHI KHOA	3091 - Chụp nhựa	Chụp nhựa	Lần	200,000
305	NHI KHOA	3048 - Điều trị viêm quanh răng	Điều trị viêm quanh răng	Lần	100,000
306	NHI KHOA	3079 - Trích áp xe lợi	Chích áp xe lợi	Lần	200,000
307	NHI KHOA	3273 - Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Lần	250,000
308	NHI KHOA	4981 - Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần	500,000
309	NHI KHOA	3238 - Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	Lần	100,000

310	HÓA SINH	17402 - Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	Panel 5 loại Ma túy/ nước tiểu (theo bộ Giao thông vận tải: AMP, THC, Morphin, Codein, HER) [Ngoại viện]	Lần	250,000
311	HÓA SINH	17402 - Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]	Panel 5 loại Ma túy/ nước tiểu (theo bộ Giao thông vận tải: AMP, THC, Morphin, Codein, HER)[Nội viện]	Lần	200,000
312	ĐIỆN QUANG	15603 - Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Phụ thu chọc hút tế bào tuyến giáp (2 bên)	Lần	300,000

Bình Chánh, Ngày 25 tháng 06 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Lê

